TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN BẮC** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2021
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Minh Đăng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Katơr Thị Quanh**
2. Ông **Đoàn Đức Hồng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:*** Bà **Lương Thị Huệ** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ch Th Nh, sinh năm: 1986 *(có mặt)*
- *Bị đơn:* Ông M Li, sinh năm: 1983 *(vắng mặt)*
Cùng địa chỉ: Thôn Đ S B, xã Ph Ch, huyện Th B, tỉnh Ninh Thuận.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Đ Th L, trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Thuận (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ch Th Nh *trình bày*: Bà và ông M L đã tìm hiểu và tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph Ch, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 17/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau và có 02 người con chung tên: Ch Ng, sinh năm 2004 (đã chết trong thời gian Toà đang giải quyết vụ án) và Ch Th Tr, sinh năm 2006. Trong thời gian chung sống với bà, ông L thường xuyên nhậu về đánh đập vợ con, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Ngoài ra, ông L còn sống chung với người phụ nữ khác. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Mạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng

không thể kéo dài. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Về con chung: Bà đồng ý nuôi dưỡng 01 người con chung tên: Ch T Tr. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông M L được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Ông Đ Th trình bày: Nguyên đơn bà Ch Th Nh trình bày hoàn toàn đúng sự thật về hôn nhân cũng như con cái. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng phải ly hôn là do ông M L, là chồng, là cha nhưng không có trách nhiệm với gia đình. Trước đây bà N đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng vì con cái nên bà cho ông L cơ hội nhưng ông L vẫn không biết ăn năn hối cải. Do đó, ông đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nh và giao con chung cho bà Nh nuôi dưỡng. Bà Nh không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc thể hiện:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử luôn tuân theo pháp luật tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn cố tình vắng mặt nhưng không có lý do. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ch T Nh về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông M L

Về con chung: Giao cho bà Ch T N nuôi dưỡng 01 người con chung tên: Ch T Tr, sinh năm 2006. Ông L không cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà Nh là người dân tộc cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Ch T N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông M L. Bà Nh đồng ý nuôi dưỡng 01 người con chung tên: Ch Th Tr. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Thuận Bắc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Tòa án ra thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn là ông L. Thông báo có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (*Yêu cầu ly hôn,*

tranh chấp về nuôi con khi ly hôn). Chứng cứ kèm theo là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn và sổ hộ khẩu, giấy khai sinh. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do bà N cung cấp (*khoản 2 điều 92 của BLTTDS*). Sau khi thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Ch Th Nh và ông M L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 17/10/2005, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà Nh và ông L sống chung với nhau và có 02 người con chung. Theo Biên bản lấy lời khai của bà Nh, ngày 13/5/2021 (BL 21) có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông L không lo làm ăn, thường xuyên nhậu về đánh đập vợ con. Vợ chồng sống ly thân hơn 05 năm vì ông L về sống với gia đình tại thôn N Ng, xã Nh S, huyện Ninh Sơn. Bà Nh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Những nội dung này phù hợp với Biên bản xác minh tại địa phương nơi đương sự cư trú (Bút lục 17 - 18). Từ những nhận định trên, HĐXX xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Nh và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch Th Nh về việc xin ly hôn ông M L.

[4] Về con chung: Bà Ch Th Nh và ông M L có 02 người con chung là: Ch Ng, sinh năm 2004 (đã chết trong thời gian Toà đang giải quyết vụ án) và Ch Th Tr, sinh năm 2006. Sau khi sống ly thân bà Nh là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu theo biên bản ghi lời khai của con (BL 19). HĐXX xét thấy giao cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung còn lại tê Ch Th Tr, sinh năm 2006 là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nh không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Ch Th Nh thuộc diện người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Ch Th Nh được ly hôn với ông M L.

2. Về con chung: Giao cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên: Ch Th Tr, sinh năm 2006. Ông L không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nh không yêu cầu.

Sau khi ly hôn không ai được cản trở ông M L thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Ch Th L thuộc diện cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2021). Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, được niêm yết, tống đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- UBND xã nh Bắc Phong (Cơ quan thực hiện việc ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Minh Đăng